TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18/9/2018
V/v: *"Xin ly hôn, nuôi con chung''*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Đông
2. Ông Lê Văn Tỵ
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày **18** tháng **9** năm **2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 203/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018 về việc "*Xin ly hôn, yêu cầu nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa phiên tòa số: 190/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Lê Thị N**, sinh: 1986. (Có mặt)
Trú tại: ấp A, xã B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.
2. *Bị đơn:* Anh **Đỗ Văn Q**, sinh: 1981. (Vắng mặt)
Trú tại: ấp A, xã B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày 24/5/2018, bản khai cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Lê Thị N trình bày:

Chị và anh Đỗ Văn Q do tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn vào ngày 24/5/2010 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại ấp C, xã T, huyện Mỏ Cày Bắc (nhà chị ruột) và có 01 con chung tên Đỗ Vũ Lâm A, sinh: 25/10/2010. Từ khi sinh con anh Q không phụ vợ chăm sóc con chung và vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 9/2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng hơn do bất đồng về quan điểm, mỗi người có một cuộc sống riêng trong công việc. Hiện tại 02 vợ chồng không còn chung

nhau về kinh tế, nên đã có cuộc sống ly thân khoảng gần 05 năm nay. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Q nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- *Về hôn nhân*: Xin ly hôn anh Đỗ Văn Q.

- *Về con chung*: Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh Đỗ Văn Q cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung*: Không có.

- *Về nợ chung*: Không có.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng như nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị N. Về con chung: Giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q không phải cấp dưỡng, Tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Chị Lê Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Văn Q. Do đó, xét đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "*Xin ly hôn, nuôi con chung*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Đỗ Văn Q có nơi cư trú tại xã B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ cũng như thông báo hòa giải cho anh Q đến Tòa để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng của anh chị nhưng anh Q vắng mặt không lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Ngoài ra, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng anh Q vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Q.

Về Nội dung:

Chị Lê Thị N và anh Đỗ Văn Q đăng ký kết hôn vào ngày 24/5/2010 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo chị N trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2010 và nhiều lần anh Q đòi ly hôn nhưng chị N không đồng ý vì con còn nhỏ. Từ năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng hơn,

anh Q dọn ra sống riêng và không quan tâm chăm sóc vợ con, mỗi người có một cuộc sống và kinh tế riêng, nên đến tháng 9/2016 vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân cả hai đều không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ.

Hiện tại chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Q nữa nên chị cương quyết ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung không yêu cầu anh Q cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về hôn nhân: Chị N thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng thực tế đã diễn ra từ nhiều năm về trước kéo dài đến tháng 9 năm 2016 thì chính thức ly thân từ đó cho đến nay không thể hàn gắn, đoàn tụ được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập anh Q đến để hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng của anh chị nhưng anh Q không có mặt, chị N vẫn kiên quyết đòi ly hôn vì cho rằng tình cảm giữa chị và anh Q đã không còn. Ngoài ra, Tòa án cũng đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của anh chị vào ngày 07/8/2018 bà Nguyễn Thị Thanh T là trưởng ấp C cho rằng ít thấy anh Q có mặt ở địa phương do anh Q có nhà xây riêng ở nơi khác, chị Lê Thị L là chị ruột chị N cho rằng tình trạng hôn nhân giữa Q và N xảy ra mâu thuẫn từ lúc cưới nhau đến giờ, Q ít quan tâm, chăm sóc vợ con và sống ly thân đã lâu. Do đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp.

Về con chung: Theo chị N trình bày, anh chị có 01 người con chung tên Đỗ Vũ Lâm A, sinh: 25/10/2010. Sau khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo biên bản lấy ý kiến nguyện vọng của con chung ngày 11/7/2018. Cháu A có ý kiến muốn sống chung với chị N và qua kết quả xác minh thấy rằng anh Q ít khi ở nhà và cũng không thường xuyên quan tâm chăm sóc đế con chung. Hiện tại cháu A đang sống chung với mẹ và cháu vẫn đang học tập, phát triển ổn định về mọi mặt. Do đó, căn cứ theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của chị N nên giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị N không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, nên không đề cập.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày không có nên không đề cập.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

- *Về án phí*: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị N có nghĩa vụ nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng các Điều 28, 35, 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị N.

Về hôn nhân: Chị Lê Thị N được ly hôn với anh Đỗ Văn Q.

Về con chung: Sau khi ly hôn con chung của chị N và anh Q là cháu Đỗ Vũ Lâm A, sinh: 25/10/2010 sẽ do chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành hoặc khi chị N, anh Q có yêu cầu khác, anh Q không phải cấp dưỡng do chị N không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên, không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên không đề cặp.

2. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Lê Thị N phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai số: 0016537 ngày 25 tháng 5 năm 2018.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- *VKSND huyện Mỏ Cày Nam.*
- *TAND tỉnh Bến Tre.*
- *CCTHADS huyện Mỏ Cày Nam.*
- *Các đương sự.*
- *UBND xã Bình Khánh Tây;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Huỳnh Minh Trí